

TEMPLATE BANK

WRITING



LESSON

IELTS WRITING TASK 2



2026

Mục lục

1	Lời mở đầu	1
1.1	Nắm nhanh yêu cầu Task 2	1
1.2	Ký hiệu dùng trong template	1
1.3	Cấu trúc 4 đoạn chuẩn	2
1.4	Các mẫu câu tự nhiên và dễ áp dụng	3
2	Mẫu câu theo từng dạng bài	7
2.1	Dạng bài opinion	7
2.2	Dạng bài discussion	12
2.3	Dạng bài advantages and disadvantages	16
2.4	Dạng bài outweigh	19
2.5	Dạng bài causes/problems and solutions	22
2.6	Dạng bài causes and effects	25
2.7	Dạng bài two-part question	28
2.8	Dạng bài positive/negative	31
2.9	Dạng bài kết hợp	34
3	Mẫu câu theo hướng lập luận	37
3.1	Hướng tiếp cận: cân bằng chính sách	37
3.2	Hướng tiếp cận: tự do cá nhân và trách nhiệm xã hội	37
3.3	Hướng tiếp cận: lợi ích ngắn hạn và hậu quả dài hạn	38
3.4	Hướng tiếp cận: tác động không đồng đều	38
3.5	Hướng tiếp cận: chất lượng hơn số lượng	39
4	Ngân hàng ý tưởng theo chủ đề	40
4.1	Education	40

4.2	Technology	40
4.3	Environment	41
4.4	Health	42
4.5	Work and economy	42
4.6	Society and culture	43
5	Các dàn ý mẫu theo mục tiêu điểm	45
5.1	Dàn ý an toàn cho band 5.5–6.0	45
5.2	Dàn ý tự nhiên cho band 6.5–7.0	45
5.3	Dàn ý cho bài đồng ý một phần	46
5.4	Dàn ý nâng cao cho bài discuss both views	46
5.5	Dàn ý nâng cao cho bài problem and solution	46
6	Checklist trước và sau khi viết	48
6.1	Checklist 3 phút trước khi viết	48
6.2	Checklist sau khi viết	48
7	Những lỗi sử dụng mẫu câu thường gặp	50
7.1	Lỗi 1: mở bài quá chung chung	50
7.2	Lỗi 2: không nêu rõ quan điểm ở mở bài	50
7.3	Lỗi 3: đưa ra ví dụ quá mơ hồ	51
7.4	Lỗi 4: phân tích hai chiều nhưng thiếu kết luận	51
8	Bộ prompt thực hành và gợi ý áp dụng	52
8.1	Opinion/Agree-disagree practice	52
8.2	Discussion practice	53
8.3	Advantages/disadvantages practice	53
8.4	Outweigh practice	54
8.5	Causes/solutions practice	54

8.6	Causes/effects practice	55
8.7	Two-part practice	55
8.8	Positive/negative practice	56
9	Cách phát triển bài viết hoàn chỉnh	57
9.1	Công thức số câu	57
9.2	Phương pháp xử lý khi bí ý tưởng	57
10	Tổng hợp cấu trúc nên nhớ	59
10.1	Agree/disagree mini	59
10.2	Discuss mini	59
10.3	Advantages/disadvantages mini	59
10.4	Outweigh mini	59
10.5	Causes/solutions mini	60
10.6	Two-part mini	60
11	Kết lời	61

PHẦN 1 | Lời mở đầu

Lưu ý

Mục tiêu của file này là giúp học sinh chưa mạnh Writing vẫn viết được một bài **rõ hướng, đủ ý, có cấu trúc**, đồng thời giúp người đã học IELTS có một “bộ khung” tự nhiên để triển khai nhanh hơn. Lưu ý quan trọng: template ở đây là **khung diễn đạt + hướng tư duy**, không nên bê nguyên cả đoạn cho mọi đề. Hãy thay các phần trong ngoặc vuông [...], thêm ví dụ cụ thể và chỉnh giọng văn theo yêu cầu đề.

1.1 Nắm nhanh yêu cầu Task 2

Task 2 thường yêu cầu viết một bài essay tối thiểu 250 từ, khoảng 40 phút, với phong cách trang trọng; phần thi này cũng chiếm trọng số lớn hơn Task 1 trong tổng điểm Writing. Bài được chấm dựa trên 4 nhóm chính: Task Response, Coherence & Cohesion, Lexical Resource, Grammatical Range & Accuracy. Vì vậy, template tốt không phải là template “nghe sang” nhất, mà là template giúp bạn:

- 1 Trả lời đúng câu hỏi.
- 2 **Có quan điểm rõ** nếu đề yêu cầu.
- 3 Mỗi đoạn có một ý chính.
- 4 Ý được giải thích, ví dụ hóa, rồi nối lại với câu hỏi.
- 5 Không dùng câu quá chung chung đến mức lạc đề.

1.2 Ký hiệu dùng trong template

- [TOPIC]: chủ đề chính, ví dụ: online learning, public transport, local languages.
- [CLAIM]: mệnh đề của đề, ví dụ: governments should spend more on railways than roads.
- [TREND]: xu hướng, ví dụ: more people are working from home.
- [VIEW A], [VIEW B]: hai quan điểm đối lập.
- [MY VIEW]: quan điểm của bạn.
- [REASON 1], [REASON 2]: hai lý do chính.
- [EXAMPLE]: ví dụ cụ thể, có thể giả định hợp lý.
- [GROUP]: nhóm người liên quan, ví dụ: students, workers, consumers, children, elderly people.
- [SOLUTION]: giải pháp.
- [CAUSE]: nguyên nhân.
- [EFFECT]: hệ quả.

Cách dùng: thay nội dung trong ngoặc vuông bằng ý của đề. Cố gắng thay cả cụm, không chỉ thay một danh từ. Ví dụ:

Câu mẫu

It is often argued that [CLAIM].

Có thể thành:

Câu mẫu

It is often argued that governments should invest more heavily in railways than in roads.

1.3 Cấu trúc 4 đoạn chuẩn

Đa số bài Task 2 có thể viết theo 4 đoạn:

Cấu trúc bài

- Phần mở bài bắt đầu bằng việc paraphrase đề bài và nêu rõ hướng trả lời.
- Đoạn thân bài thứ nhất tập trung triển khai ý chính đầu tiên, kèm theo giải thích, ví dụ và kết nối lại với câu hỏi.
- Đoạn thân bài thứ hai tiếp tục phát triển ý chính thứ hai, đưa ra ví dụ hoặc luận điểm phản biện tương ứng.
- Phần kết luận tóm tắt lại bài viết và khẳng định lại quan điểm cá nhân.
- Tóm tắt 1–2 lý do chính.

Công thức phát triển một đoạn thân bài

Dùng công thức P-E-E-L:

Công thức P-E-E-L

Point: Nêu ý chính. Explain: Giải thích vì sao ý đó đúng. Example: Cho ví dụ cụ thể.

Link: Nối lại với câu hỏi/quan điểm.

Dưới đây là template đoạn thân bài ở mức cơ bản, dễ áp dụng cho hầu hết các dạng đề:

Câu mẫu

A key reason is that [REASON]. This is because [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE]. As a result, [IMPACT], which shows why [LINK TO QUESTION].

Dưới đây là phiên bản tự nhiên hơn, phù hợp với bài viết hướng tới band cao hơn:

Câu mẫu tự nhiên hơn

One reason this view is persuasive is that [REASON]. In practice, [EXPLANATION IN REAL LIFE]. A student/worker/family who [SPECIFIC SITUATION], for instance, is more likely to [RESULT]. This makes [MY POSITION] more reasonable than it may first appear.

1.4 Các mẫu câu tự nhiên và dễ áp dụng**Mở bài (paraphrase đề)**

Khi paraphrase đề, bạn không cần cố tìm từ đồng nghĩa quá lạ. Chỉ cần đổi cấu trúc câu cho khác với đề gốc là đủ. Dạng có tranh luận

Câu mẫu

The question of whether [CLAIM] has become a common topic of debate. There is ongoing disagreement about whether [CLAIM]. People hold different views on whether [POLICY/ACTION] should be prioritised.

Dạng xu hướng

Câu mẫu

In recent years, [TREND] has become increasingly common in many parts of the world. Modern society has seen a noticeable rise in [TREND]. [TREND] is now a familiar feature of life in many countries.

Dạng vấn đề

Câu mẫu

Many countries are facing the problem of [PROBLEM]. [PROBLEM] has become a serious concern for individuals, governments, and society as a whole.

Câu thesis/Nêu hướng triển khai

Hoàn toàn đồng ý

Câu mẫu

I completely agree with this view because [REASON 1] and [REASON 2]. I strongly support this argument, mainly because [REASON 1] and [REASON 2].

Hoàn toàn không đồng ý

Câu mẫu

I disagree with this view, as it overlooks [COUNTER-REASON 1] and may lead to [COUNTER-REASON 2]. I do not think this is a sound approach, since [REASON 1] and [REASON 2].

Đồng ý một phần

Câu mẫu

I agree with this view to some extent, but I believe [LIMITATION/OPPOSITE POINT] should also be considered. Although this argument is valid in certain cases, I would argue that [MY MAIN VIEW]. My view is that [CLAIM] is reasonable under some circumstances, but it should not be treated as a universal rule.

Thảo luận hai quan điểm

Câu mẫu

While [VIEW A] has some merit, I believe [VIEW B] is more convincing because [REASON]. This essay will consider both perspectives before explaining why I am more persuaded by [VIEW A/VIEW B].

Advantages/disadvantages

Câu mẫu

This trend brings clear benefits, particularly [ADVANTAGE], but it can also create problems such as [DISADVANTAGE].

Problem-solution

Câu mẫu

This problem is mainly caused by [CAUSE 1] and [CAUSE 2], and it can be addressed through [SOLUTION 1] and [SOLUTION 2].

Two-part question

Câu mẫu

I believe that [ANSWER TO QUESTION 1], and that [ANSWER TO QUESTION 2].

Câu mở thân bài**Câu mẫu**

The first reason is that [REASON]. A more important issue is [ISSUE]. One major benefit/drawback of this trend is [POINT]. Those who support this view often argue that [ARGUMENT]. On the other hand, opponents may point out that [ARGUMENT]. Another factor that should not be ignored is [POINT].

Câu giải thích**Câu mẫu**

This matters because [EXPLANATION]. The reason for this is that [CAUSE-AND-EFFECT LOGIC]. In practical terms, [REAL-LIFE CONSEQUENCE]. If [CONDITION], then [LIKELY RESULT]. This is particularly true for [GROUP], who often [SPECIFIC SITUATION].

Câu ví dụ**Câu mẫu**

For example, [SPECIFIC EXAMPLE]. A clear example can be seen in [PLACE/FIELD], where [WHAT HAPPENS]. For instance, a student who [SITUATION] may [RESULT]. This can be illustrated by [EXAMPLE]. Even a simple example such as [EXAMPLE] shows how [POINT].

Câu phản biện/nhượng bộ

Câu mẫu

Admittedly, [OPPOSING POINT] can be true in some cases. It is understandable why some people believe this, especially when [CONDITION]. However, this argument overlooks [WEAKNESS]. This does not necessarily mean that [EXTREME CLAIM]. Nevertheless, this drawback can be reduced if [SOLUTION/CONDITION].

Câu kết luận

Câu mẫu

In conclusion, I believe that [MY VIEW] because [REASON 1] and [REASON 2]. Overall, although [CONCESSION], [MY FINAL POSITION]. To conclude, [ANSWER]. The main reasons are [SUMMARY 1] and [SUMMARY 2].

PHẦN 2 | Mẫu câu theo từng dạng bài

2.1 Dạng bài opinion

Cách nhận diện đề bài

Dạng đề này thường xuất hiện với các câu hỏi sau:

- To what extent do you agree or disagree?
- To what degree do you support or oppose this idea?
- Do you agree or disagree?
- What is your opinion?

Với dạng này, điều quan trọng nhất là lập trường rõ. IELTS không yêu cầu bạn phải chọn cực đoan. Bạn có thể:

- 1 Hoàn toàn đồng ý.
- 2 Hoàn toàn không đồng ý.
- 3 Đồng ý một phần, nhưng phải nói rõ phần nào đồng ý, phần nào không.

Với dạng agree/disagree, người viết nên tự hỏi mình đồng ý hoàn toàn, không đồng ý hoàn toàn, hay đồng ý một phần trước khi bắt tay vào viết.

Hướng 1: hoàn toàn đồng ý

Hướng này phù hợp khi mệnh đề trong đề nghe hợp lý, dễ bảo vệ và bạn nghĩ ra được ít nhất 2 lý do tốt để ủng hộ.

Mẫu mở bài

Câu mẫu

It is often argued that [CLAIM]. I completely agree with this view because [REASON 1] and [REASON 2].

Dưới đây là phiên bản tự nhiên hơn, phù hợp với bài viết hướng tới band cao hơn:

Câu mẫu tự nhiên hơn

The idea that [CLAIM] is, in my view, largely correct. This is because [REASON 1], and because [REASON 2].

Mẫu thân bài 1**Câu mẫu**

The first reason why I support this view is that [REASON 1]. This is important because [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE]. Therefore, [CLAIM] can bring clear benefits in terms of [BENEFIT AREA].

Mẫu thân bài 2**Câu mẫu**

Another reason is that [REASON 2]. If [CONDITION], [GROUP] are more likely to [RESULT]. This can be seen in [EXAMPLE]. For this reason, I believe [CLAIM] is not only reasonable but also necessary.

Mẫu kết bài**Câu mẫu**

In conclusion, I strongly agree that [CLAIM], mainly because [REASON 1] and [REASON 2].

Hướng 2: hoàn toàn không đồng ý

Hướng này phù hợp khi mệnh đề trong đề quá cực đoan, phi thực tế, thiếu công bằng hoặc bỏ qua những tác dụng phụ quan trọng.

Mẫu mở bài**Câu mẫu**

Some people believe that [CLAIM]. I disagree with this view because it overlooks [COUNTER-REASON 1] and could lead to [COUNTER-REASON 2].

Dưới đây là phiên bản tự nhiên hơn, phù hợp với bài viết hướng tới band cao hơn:

Câu mẫu tự nhiên hơn

Although [CLAIM] may sound sensible at first, I do not think it is a convincing argument. In my view, [OPPOSITE POSITION] would be more practical and fair.

Mẫu thân bài 1: chỉ ra điểm bất hợp lý của đề bài**Câu mẫu**

The main problem with this argument is that it assumes [ASSUMPTION]. In reality, [REALITY]. For example, [EXAMPLE]. This suggests that [CLAIM] may be too simplistic.

Mẫu thân bài 2: đưa ra góc nhìn thực tế hơn**Câu mẫu**

A better approach would be to [ALTERNATIVE]. This would allow [BENEFIT] without causing [NEGATIVE EFFECT]. For instance, [EXAMPLE]. Therefore, I believe [OPPOSITE POSITION] is a more balanced solution.

Mẫu kết bài**Câu mẫu**

In conclusion, I disagree with the claim that [CLAIM]. It is more reasonable to [MY VIEW], as this would [BENEFIT] while avoiding [RISK].

Hướng 3: đồng ý một phần

Hướng này phù hợp khi đề bài có hai mặt rõ ràng, hoặc khi mệnh đề trong đề chỉ đúng trong một số trường hợp nhất định chứ không đúng tuyệt đối.

Mẫu mở bài**Câu mẫu**

I agree with this statement to some extent. While [PART YOU AGREE WITH] is true in certain situations, I believe [PART YOU DISAGREE WITH/LIMITATION].

Dưới đây là phiên bản tự nhiên hơn, phù hợp với bài viết hướng tới band cao hơn:

Câu mẫu tự nhiên hơn

This view is valid in some respects, particularly when [CONDITION]. However, I would argue that [MY MAIN POSITION] in most cases.

Mẫu thân bài 1: trình bày quan điểm đồng ý

Câu mẫu

On the one hand, there are good reasons to support [PART YOU AGREE WITH]. When [CONDITION], [RESULT]. For example, [EXAMPLE]. In this sense, [CLAIM] can be justified.

Mẫu thân bài 2: trình bày điểm hạn chế hoặc quan điểm cá nhân

Câu mẫu

On the other hand, I do not think this argument should be applied too broadly. [REASON] is also important because [EXPLANATION]. If [GROUP] only [EXTREME ACTION], they may [NEGATIVE RESULT]. Therefore, I agree with the statement only to a limited extent.

Mẫu kết bài

Câu mẫu

In conclusion, I partly agree with [CLAIM]. It is reasonable when [CONDITION], but it should not ignore [OTHER IMPORTANT FACTOR].

Từ vựng theo hướng lập luận

Đồng ý

- justified
- necessary
- beneficial
- practical
- worth prioritising
- socially/economically/environmentally valuable

Không đồng ý

- unrealistic
- overly simplistic
- unfair
- counterproductive
- difficult to implement
- based on a narrow view of the issue

Đồng ý một phần

- valid in certain cases
- reasonable under specific conditions
- not universally applicable
- should be considered alongside [OTHER]

FACTOR]

- true to a limited extent

Áp dụng thử trên đề thật/đề mẫu

ĐỀ BÀI

Governments should spend money on railways rather than roads. To what extent do you agree or disagree with this statement?

Bản chọn hướng: đồng ý một phần

Mở bài mẫu

It is often argued that governments should invest more in railways than in roads. I agree with this view to some extent, because railways can reduce congestion and pollution, but roads remain essential for areas that public transport cannot easily reach.

Body 1: đồng ý với ưu tiên railways

On the one hand, there are strong reasons to prioritise railway systems. Trains can carry large numbers of passengers at once, which reduces traffic pressure and lowers emissions in crowded cities. For example, a commuter who travels by train instead of driving every day contributes less to congestion and air pollution. In this sense, railway investment is clearly beneficial.

Body 2: điểm thiếu sót của quan điểm này

On the other hand, roads should not be neglected. Many rural communities and small businesses still depend on road networks for daily transport, emergency services, and the delivery of goods. If governments spent almost all transport funding on railways, people living outside major cities could be disadvantaged. Therefore, railways may deserve more investment in urban areas, but roads remain necessary.

Kết luận mẫu

In conclusion, I partly agree that railways should receive significant government funding, especially in large cities. However, road investment is still important, so a balanced transport policy would be more practical.

2.2 Dạng bài discussion

Cách nhận diện đề bài

Dạng đề này thường xuất hiện với các câu hỏi sau:

- Discuss both views and give your opinion.
- Discuss both sides and give your own opinion.
- Consider both viewpoints and provide your own perspective.

Bắt buộc làm đủ 3 việc:

- 1 Nói về view A.
- 2 Nói về view B.
- 3 Nêu ý kiến của bạn, tốt nhất là ngay ở mở bài và nhắc lại ở kết luận.

Cấu trúc khuyên dùng cho bài viết

Cấu trúc khuyên dùng cho bài viết

- Phần mở bài bắt đầu bằng việc paraphrase cả hai quan điểm và nêu rõ bạn nghiêng về bên nào hơn.
- Đoạn thân bài thứ nhất tập trung phân tích quan điểm mà bạn ít đồng ý hơn, giải thích lý do vì sao nhiều người lại ủng hộ nó và có thể công nhận một phần tính hợp lý của nó.
- Đoạn thân bài thứ hai trình bày sâu hơn về quan điểm mà bạn đồng ý, kèm theo các giải thích chi tiết và ví dụ minh họa thực tế.
- Phần kết luận tóm tắt lại hai luồng ý kiến và khẳng định lại lập trường cá nhân của bạn.

Lý do nên đề view bạn đồng ý hơn ở Body 2: đoạn cuối thân bài thường tạo cảm giác mạnh hơn và nói tốt vào kết luận.

Hướng 1: quan điểm 1 tốt trong ngắn hạn, quan điểm 2 tốt trong dài hạn

Mẫu mở bài

Câu mẫu

People have different opinions about whether [VIEW A] or [VIEW B]. While [VIEW A] may be useful in the short term, I believe [VIEW B] is more beneficial in the long run.

Thân bài 1

Câu mẫu

Those who support [VIEW A] often argue that [REASON A]. This is understandable because [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE]. Therefore, this view has some practical value.

Thân bài 2

Câu mẫu

However, I am more persuaded by the argument that [VIEW B]. The main reason is that [REASON B]. If [CONDITION], [RESULT]. This means that [VIEW B] is likely to produce more sustainable benefits.

Kết bài

Câu mẫu

In conclusion, although [VIEW A] can be reasonable in some situations, I believe [VIEW B] is the better approach because [REASON B].

Hướng 2: quan điểm 1 bảo vệ cá nhân, quan điểm 2 bảo vệ xã hội

Mẫu mở bài

Câu mẫu

There is debate over whether [VIEW A] or [VIEW B]. I understand the personal benefits of [VIEW A], but I believe society would benefit more from [VIEW B].

Thân bài 1

Câu mẫu

From an individual perspective, [VIEW A] can be attractive. It allows people to [BENEFIT], especially when [CONDITION]. For instance, [EXAMPLE]. This explains why many people support this position.

Thân bài 2

Câu mẫu

Nevertheless, from a broader social perspective, [VIEW B] is more convincing. If [GROUP] [ACTION], society can [SOCIAL BENEFIT]. A good example is [EXAMPLE]. For this reason, my view is that [VIEW B] should be prioritised.

Hướng 3: dung hoà hai quan điểm

Hướng này phù hợp khi cả hai quan điểm đều có phần đúng, tùy vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể.

Mẫu mở bài

Câu mẫu

Some people believe [VIEW A], while others argue [VIEW B]. In my opinion, both views have value, but [MY PREFERENCE] should be prioritised when [CONDITION].

Thân bài 1

Câu mẫu

The argument for [VIEW A] is based on [REASON A]. This is a valid point because [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE].

Thân bài 2

Câu mẫu

However, [VIEW B] is more important when [CONDITION]. This is because [REASON B]. Therefore, although both views are relevant, I believe [MY PREFERENCE] is stronger overall.

Áp dụng thử trên đề được báo cáo

ĐỀ BÀI

Some people think scientific research should focus on solving world health problems. Others think that there are more important issues. Discuss both views and give your opinion.

Bản chọn hướng: View A rất hợp lý, nhưng View B cần rộng hơn; opinion nghiêng về health problems nhưng không tuyệt đối

Mở bài mẫu

People have different opinions about whether scientific research should focus mainly on global health problems or on other urgent issues. While I accept that science must also address areas such as climate change and energy, I believe health-related research should remain a major priority.

Body 1: view “có vấn đề khác quan trọng hơn”

Those who argue that there are more important issues often point to environmental damage and food insecurity. This is understandable because these problems can affect millions of people and may also threaten future generations. For example, research into renewable energy can help countries reduce pollution and become less dependent on fossil fuels. Therefore, science should not be limited to medicine alone.

Body 2: view bạn nghiêng hơn

However, I am more persuaded by the view that world health problems deserve special attention. Poor health directly affects people's ability to study, work, and live with dignity. If scientists develop cheaper vaccines or better treatments for common diseases, the benefits can be immediate and widespread, especially in poorer countries. For this reason, health research should be one of the central goals of scientific work.

Kết luận mẫu

In conclusion, although scientific research should also deal with environmental and economic challenges, I believe solving global health problems should remain a top priority because it has a direct impact on human life.

2.3 Dạng bài advantages and disadvantages

Cách nhận diện đề bài

Dạng đề này thường xuất hiện với các câu hỏi sau:

- What are the advantages and disadvantages of this trend?
- Discuss the advantages and disadvantages.
- What are the benefits and drawbacks?

Dạng này **không nhất thiết** yêu cầu chọn bên nào nặng hơn. Nếu đề chỉ hỏi advantages/disadvantages, bạn chỉ cần trình bày cả hai bên rõ ràng. Có thể kết luận rằng trend có lợi nếu được quản lý tốt, nhưng không cần “outweigh” nếu đề không hỏi.

Cấu trúc khuyên dùng cho bài viết

Cấu trúc bài

Introduction:

- Paraphrase trend.
- Nêu sẽ có cả lợi ích và bất lợi.

Body 1:

- Advantage chính.
- Giải thích + ví dụ.

Body 2:

- Disadvantage chính.
- Giải thích + ví dụ.

Conclusion:

- Tóm tắt lợi và hại.

Mẫu câu cơ bản

Mở bài

Câu mẫu

[TREND] has become increasingly common in recent years. This development offers several benefits, especially [ADVANTAGE], but it also creates problems such as [DISADVANTAGE].

Dưới đây là phiên bản tự nhiên hơn, phù hợp với bài viết hướng tới band cao hơn:

Câu mẫu tự nhiên hơn

The rise of [TREND] has changed the way people [RELATED ACTION]. Although this can [ADVANTAGE], it may also [DISADVANTAGE].

Thân bài 1: phân tích lợi ích

Câu mẫu

The main advantage of [TREND] is that it [ADVANTAGE]. This is because [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE]. As a result, [GROUP] can [POSITIVE RESULT].

Thân bài 2: phân tích bất lợi

Câu mẫu

However, this trend also has a significant drawback. [DISADVANTAGE] may occur when [CONDITION]. For instance, [EXAMPLE]. This can lead to [NEGATIVE RESULT], which should not be ignored.

Kết luận

Câu mẫu

In conclusion, [TREND] can [ADVANTAGE], but it may also [DISADVANTAGE]. Its overall value depends on how carefully it is used or managed.

Hướng theo chủ đề

- Technology: tiện lợi vs lệ thuộc/quyền riêng tư/mất kỹ năng giao tiếp.
- Education: linh hoạt học tập vs thiếu tương tác/chênh lệch thiết bị.
- Work: tiết kiệm thời gian vs cô lập/khó quản lý.

- Business: giảm chi phí vs mất quan hệ trực tiếp/an ninh dữ liệu.
- Environment: phát triển kinh tế vs phá hủy tài nguyên.

Áp dụng thử trên đề được báo cáo

ĐỀ BÀI

More and more business meetings are taking place online. What are the advantages and disadvantages of this trend?

Bản áp dụng template

Mở bài mẫu

More and more business meetings are now being held online rather than face to face. This development offers several benefits, especially convenience and cost savings, but it also creates problems such as weaker personal relationships between colleagues or business partners.

Body 1: advantage

The main advantage of online meetings is that they save time and money. This is because employees do not need to travel long distances or spend extra money on transport, hotels, and meeting venues. For example, an international company can arrange a video conference with staff in several countries within a single afternoon. As a result, businesses can operate more efficiently and respond to problems more quickly.

Body 2: disadvantage

However, this trend also has a significant drawback. Online communication may make it harder to build trust, especially when people are discussing complex projects or negotiating important contracts. For instance, body language and informal conversations before or after a meeting are often reduced in virtual settings. This can lead to misunderstandings and weaker professional relationships.

Kết luận mẫu

In conclusion, online business meetings can reduce costs and improve efficiency, but they may also weaken communication and trust. Their success depends on whether companies use them for suitable purposes.

2.4 Dạng bài outweigh

Cách nhận diện đề bài

Dạng đề này thường xuất hiện với các câu hỏi sau:

- Do the advantages outweigh the disadvantages?
- Do the benefits of this trend outweigh the drawbacks?
- Are the advantages greater than the disadvantages?

Dạng này **bắt buộc có lập trường**. Không nên chỉ liệt kê lợi/hại rồi kết thúc mơ hồ. Bạn cần trả lời rõ: có outweigh hoặc không outweigh.

Hướng 1: lợi ích lớn hơn bất lợi

Mở bài

Câu mẫu

[TREND] has both benefits and drawbacks. Although [DISADVANTAGE] is a real concern, I believe the advantages are greater because [ADVANTAGE 1] and [ADVANTAGE 2].

Thân bài 1: công nhận điểm bất lợi

Câu mẫu

The main disadvantage is that [DISADVANTAGE]. This can happen when [CONDITION]. For example, [EXAMPLE]. However, this problem can often be reduced through [SOLUTION/CONDITION].

Thân bài 2: làm rõ lợi ích lớn hơn

Câu mẫu

Despite this drawback, the benefits are more significant. First, [ADVANTAGE 1], which means [EXPLANATION]. Second, [ADVANTAGE 2]. For instance, [EXAMPLE]. These advantages have a wider and longer-lasting impact than the disadvantages mentioned above.

Kết luận**Câu mẫu**

In conclusion, although [TREND] may cause [DISADVANTAGE], I believe its advantages outweigh its disadvantages because [ADVANTAGE 1] and [ADVANTAGE 2].

Hướng 2: bất lợi lớn hơn lợi ích**Mở bài****Câu mẫu**

Although [TREND] may bring some benefits, I believe its disadvantages are more serious, especially [DISADVANTAGE 1] and [DISADVANTAGE 2].

Thân bài 1: công nhận điểm có lợi**Câu mẫu**

It is true that [TREND] can [ADVANTAGE]. This is useful because [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE]. However, this benefit is limited because [LIMITATION].

Thân bài 2: làm rõ bất lợi lớn hơn**Câu mẫu**

The disadvantages, by contrast, are more serious. [DISADVANTAGE 1] can [NEGATIVE EFFECT], while [DISADVANTAGE 2] may [NEGATIVE EFFECT]. If [CONDITION], [RESULT]. Therefore, the drawbacks are likely to outweigh the benefits.

Kết luận**Câu mẫu**

In conclusion, while [TREND] has some advantages, I do not think they outweigh the disadvantages, as [DISADVANTAGE 1] and [DISADVANTAGE 2] can have deeper consequences.

Áp dụng thử trên đề được báo cáo

ĐỀ BÀI

A growing number of young people are changing their jobs and career paths. What are the reasons behind this phenomenon? Do the benefits of this trend outweigh the drawbacks?

Đây là đề kết hợp: vừa hỏi lý do, vừa hỏi outweigh. Có thể viết:

Cấu trúc

Body 1: reasons Body 2: benefits vs drawbacks + answer outweigh

Mở bài mẫu

An increasing number of young people are switching jobs or even changing their career paths entirely. This trend is largely driven by the desire for better opportunities and greater personal fulfilment, and I believe its benefits generally outweigh its drawbacks.

Body 1: reasons

One reason for this trend is that young workers now have access to more information about different careers. Through online platforms, they can compare salaries, working conditions, and long-term prospects more easily than previous generations. Another reason is that many young people no longer see one stable job as the only definition of success. Instead, they may leave a position if it does not match their interests or values.

Body 2: outweigh

Although frequent job changes can create instability, the benefits are greater in many cases. Changing careers allows young people to find work that suits their abilities and ambitions, which can improve both productivity and mental well-being. For example, a person who leaves an unsuitable office job to work in a field they genuinely enjoy may become more motivated and skilled. Therefore, as long as career changes are planned carefully, the advantages outweigh the disadvantages.

Kết luận mẫu

In conclusion, young people are changing jobs mainly because they have more information and higher expectations for their careers. While this may involve some risk, I believe it is generally a positive trend because it can lead to better job satisfaction and personal growth.

2.5 Dạng bài causes/problems and solutions

Cách nhận diện đề bài

Dạng đề này thường xuất hiện với các câu hỏi sau:

- What are the problems? What solutions can be taken?
- What are the causes? What measures could solve this problem?
- Why is this happening? What can be done about it?

Điểm quan trọng: nếu đề hỏi causes, đừng viết quá nhiều về problems. Nếu đề hỏi problems, đừng chỉ viết causes.

Cấu trúc khuyên dùng cho bài viết

Cấu trúc bài

Introduction:

- Paraphrase vấn đề.
- Nêu 1-2 nguyên nhân/vấn đề và 1-2 giải pháp.

Body 1:

- Causes hoặc problems.
- Giải thích + ví dụ.

Body 2:

- Solutions.
- Ai làm? Làm gì? Vì sao hiệu quả?

Conclusion:

- Tóm tắt nguyên nhân/vấn đề và giải pháp.

Mẫu câu cho dạng Causes + Giải pháp

Mở bài

Câu mẫu

[PROBLEM] has become a serious issue in many countries. This is mainly caused by [CAUSE 1] and [CAUSE 2], but it can be reduced if [SOLUTION 1] and [SOLUTION 2] are introduced.

Dưới đây là phiên bản tự nhiên hơn, phù hợp với bài viết hướng tới band cao hơn:

Câu mẫu tự nhiên hơn

There are several reasons why [PROBLEM] has become more common, especially [CAUSE 1] and [CAUSE 2]. However, practical measures from [ACTOR] could help address the issue.

Thân bài 1: phân tích nguyên nhân

Câu mẫu

A major cause of this problem is [CAUSE 1]. When [CONDITION], [RESULT]. This is made worse by [CAUSE 2], as [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE].

Thân bài 2: đề xuất giải pháp

Câu mẫu

The most effective solution would be for [ACTOR] to [SOLUTION 1]. This would help because [EXPLANATION]. In addition, [SOLUTION 2] could [RESULT]. If these measures were applied together, [PROBLEM] would become less serious.

Kết luận

Câu mẫu

In conclusion, [PROBLEM] is mainly the result of [CAUSE 1] and [CAUSE 2]. To deal with it, [ACTOR] should [SOLUTION 1] and [SOLUTION 2].

Mẫu câu cho dạng Vấn đề + Giải pháp

Mở bài

Câu mẫu

[TREND/ISSUE] can lead to several problems, particularly [PROBLEM 1] and [PROBLEM 2]. To address these, [SOLUTION 1] and [SOLUTION 2] should be considered.

Thân bài 1: phân tích vấn đề**Câu mẫu**

One major problem is [PROBLEM 1]. This can have a serious impact on [GROUP] because [EXPLANATION]. Another problem is [PROBLEM 2], which may result in [EFFECT].

Thân bài 2: đề xuất giải pháp**Câu mẫu**

To tackle these problems, [ACTOR] should first [SOLUTION 1]. This would [POSITIVE RESULT]. A further solution is to [SOLUTION 2], especially for [GROUP]. These measures would reduce the negative effects of [ISSUE].

Chọn chủ thể thực hiện giải pháp

- Government: laws, funding, public campaigns, infrastructure, tax incentives.
- Schools: curriculum, counselling, awareness programmes.
- Companies: training, flexible policies, ethical practices.
- Individuals: habits, choices, responsibility.
- Parents: guidance, limits, emotional support.
- Media: accurate information, positive role models.

Câu mẫu tham khảo:

Câu mẫu

Governments should introduce stricter regulations and provide financial support for [SOLUTION]. Schools can play a key role by teaching students about [ISSUE] from an early age. Companies should be encouraged to [ACTION], especially when their activities contribute to [PROBLEM].

Áp dụng thử trên đề được báo cáo

ĐỀ BÀI

In many parts of the world, a growing proportion of the population is buying food from overseas instead of locally sourced products. What explains this trend? What actions can be taken to motivate consumers to choose local food?

Mở bài mẫu

In many countries, more consumers are buying imported food rather than products grown or made locally. This trend is mainly caused by wider consumer choice and the perception that foreign products are of higher quality, but it can be reduced through better marketing and government support for local producers.

Body 1: causes

A major cause of this trend is that global trade gives consumers access to a much wider range of food. When supermarkets sell fruit, snacks, or packaged products from many countries, shoppers may find imported goods more attractive or fashionable. This is made worse by the belief that foreign products are often safer or more prestigious than local ones. For example, some consumers may choose imported milk or fruit even when local alternatives are cheaper.

Body 2: solutions

To encourage people to buy local food, governments and businesses should make local products more visible and trustworthy. Public campaigns can explain that local food is often fresher and better for the environment because it requires less transportation. In addition, governments could give tax support or subsidies to local farmers so that their products remain affordable. If local food is marketed well and priced competitively, more consumers are likely to choose it.

Kết luận mẫu

In conclusion, people buy imported food because it offers variety and is often seen as superior. However, better promotion and financial support for local producers could help change consumer habits.

2.6 Dạng bài causes and effects

Cách nhận diện đề bài

Dạng đề này thường xuất hiện với các câu hỏi sau:

- Why does this happen? What are the consequences?
- What are the reasons for this? What are the effects?
- What causes this situation? What impact does it have?

Dạng này không yêu cầu giải pháp, trừ khi đề hỏi “what can be done”. Đừng tự thêm một đoạn solutions dài nếu đề chỉ hỏi consequences.

Cấu trúc khuyên dùng cho bài viết

Cấu trúc bài

Introduction:

- Paraphrase hiện tượng.
- Nêu 1–2 reasons và 1–2 consequences.

Body 1:

- Reasons.

Body 2:

- Consequences.

Conclusion:

- Tóm tắt reasons + consequences.

Mẫu câu

Mở bài

Câu mẫu

There are several reasons why [SITUATION], especially [REASON 1] and [REASON 2]. This situation can lead to [CONSEQUENCE 1] and [CONSEQUENCE 2].

Dưới đây là phiên bản tự nhiên hơn, phù hợp với bài viết hướng tới band cao hơn:

Câu mẫu tự nhiên hơn

[SITUATION] is a common problem in modern society. It is often the result of [REASON 1], and it may cause serious consequences for both [GROUP 1] and [GROUP 2].

Thân bài 1: phân tích lý do

Câu mẫu

One reason for this situation is [REASON 1]. Many people [ACTION/CONDITION] because [EXPLANATION]. Another factor is [REASON 2]. For example, [EXAMPLE]. These factors explain why [SITUATION] has become so common.

Thân bài 2: phân tích hậu quả

Câu mẫu

The consequences can be serious. First, [CONSEQUENCE 1] may occur because [EXPLANATION]. Second, [CONSEQUENCE 2] can affect [GROUP] in the long term. For instance, [EXAMPLE]. Therefore, [SITUATION] can damage both individual well-being and wider society.

Kết luận

Câu mẫu

In conclusion, [SITUATION] is mainly caused by [REASON 1] and [REASON 2]. Its main consequences are [CONSEQUENCE 1] and [CONSEQUENCE 2].

Áp dụng thử trên đề mẫu

ĐỀ BÀI

Many people go through life doing work that they hate or have no talent for. Why does this happen? What are the consequences of this situation?

Mở bài mẫu

Many people spend much of their lives doing jobs they dislike or are not suited to. This often happens because of financial pressure and limited career guidance, and it can lead to poor mental health and lower productivity.

Body 1: reasons

One reason for this situation is financial pressure. Many people accept unsuitable jobs because they need a stable income to support themselves or their families. Another factor is the lack of proper career guidance when people are young. For example, a student may choose a university course mainly because it seems safe, rather than because it matches their strengths. These factors explain why many adults end up in careers that do not suit them.

Body 2: consequences

The consequences can be serious. First, people who dislike their work may experience stress, boredom, or a loss of motivation. Over time, this can harm their mental health. Second, companies may suffer because unhappy workers are less likely to be creative or productive. For instance, an employee who has no interest in customer service may perform poorly and damage the company's reputation.

Kết luận mẫu

In conclusion, people often stay in unsuitable jobs because of money and poor career planning. This can harm both individual well-being and workplace performance.

2.7 Dạng bài two-part question**Cách nhận diện đề bài**

Dạng này hỏi hai câu trực tiếp, không nhất thiết là “causes/effects”. Ví dụ:

- Is it important for everyone to learn English? Should we protect local languages?
- Which types of workers should retire earlier? Why?
- What is the most important factor? How can it be achieved?

Điểm quan trọng: trả lời cả hai câu, không được chỉ tập trung vào câu đầu.

Cấu trúc khuyên dùng cho bài viết**Cấu trúc bài****Introduction:**

- Paraphrase topic.
- Trả lời ngắn cả hai câu.

Body 1:

- Trả lời question 1.

Body 2:

- Trả lời question 2.

Conclusion:

- Nhắc lại hai câu trả lời.

Mẫu câu cơ bản**Mở bài****Câu mẫu**

[TOPIC] is an issue that affects many people today. In my view, [ANSWER TO QUESTION 1], and [ANSWER TO QUESTION 2].

Dưới đây là phiên bản tự nhiên hơn, phù hợp với bài viết hướng tới band cao hơn:

Câu mẫu tự nhiên hơn

The questions of [QUESTION 1 THEME] and [QUESTION 2 THEME] are closely connected. I believe that [ANSWER 1], while [ANSWER 2].

Thân bài 1: trả lời câu hỏi 1**Câu mẫu**

Regarding the first question, I believe [ANSWER 1]. This is because [REASON]. For example, [EXAMPLE]. Therefore, [MINI-CONCLUSION FOR Q1].

Thân bài 2: trả lời câu hỏi 2**Câu mẫu**

As for the second question, [ANSWER 2]. One effective way to do this is [METHOD]. In addition, [METHOD 2] could help because [EXPLANATION].

Kết luận**Câu mẫu**

In conclusion, [ANSWER 1]. At the same time, [ANSWER 2] should be achieved through [METHOD 1] and [METHOD 2].

Áp dụng thử trên đề mẫu**ĐỀ BÀI**

Learning English at school is often seen as more important than learning local languages. If these are not taught, many are at risk of dying out. In your opinion, is it important for everyone to learn English? Should we try to ensure the survival of local languages and, if so, how?

Mở bài mẫu

English is often treated as the most important language to learn at school, while many local languages are becoming less common. In my view, learning English is important for most people because it creates educational and professional opportunities, but local languages should also be protected through schools, media, and community programmes.

Body 1: Is English important?

Regarding the first question, I believe English is important for most people, although not everyone needs to master it at an advanced level. English is widely used in higher education, international business, and online information. For example, a student who can understand English may have access to a wider range of academic materials and job opportunities. Therefore, schools are right to give English an important place in the curriculum.

Body 2: Should local languages survive? How?

As for local languages, they should definitely be preserved because they are closely linked to cultural identity. One effective way to do this is to teach them in schools, especially at primary level, so that children grow up using them naturally. In addition, governments and media organisations could support local-language books, films, radio programmes, and festivals. These measures would make local languages part of everyday life rather than just museum-like traditions.

Kết luận mẫu

In conclusion, English is important because it connects people to global opportunities, but local languages should also be protected through education and public media.

2.8 Dạng bài positive/negative**Cách nhận diện đề bài**

Dạng đề này thường xuất hiện với các câu hỏi sau:

- Is this a positive or negative development?
- Do you think this is a positive or negative change?
- To what extent is this a positive or negative development?

Dạng này giống opinion ở chỗ cần đánh giá. Bạn có thể chọn:

- 1 Mostly positive.
- 2 Mostly negative.
- 3 Mixed, but still say overall positive/negative.

Không nên viết “both positive and negative” rồi kết thúc ngang. Hãy chốt: overall positive hoặc overall negative.

Hướng 1: chủ yếu là tích cực**Mở bài****Câu mẫu**

[TREND] is becoming increasingly common. Although it may cause [MINOR DRAWBACK], I believe this is a largely positive development because [BENEFIT 1] and [BENEFIT 2].

Thân bài 1**Câu mẫu**

The first reason why this development is positive is that [BENEFIT 1]. This matters because [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE].

Thân bài 2

Câu mẫu

Another benefit is [BENEFIT 2]. Admittedly, [DRAWBACK] may occur in some cases. However, this can be reduced if [SOLUTION/CONDITION]. Overall, the positive effects are more significant.

Kết luận

Câu mẫu

In conclusion, I consider [TREND] to be a positive development overall, mainly because [BENEFIT 1] and [BENEFIT 2].

Hướng 2: chủ yếu là tiêu cực

Mở bài

Câu mẫu

Although [TREND] may bring some convenience, I believe it is a negative development overall because [HARM 1] and [HARM 2].

Thân bài 1

Câu mẫu

One major concern is [HARM 1]. When [CONDITION], [NEGATIVE RESULT]. For example, [EXAMPLE].

Thân bài 2

Câu mẫu

Another problem is [HARM 2]. This is particularly serious for [GROUP], who may [RESULT]. Although [POSSIBLE BENEFIT], it does not outweigh these risks.

Kết luận

Câu mẫu

In conclusion, I believe [TREND] is mostly negative because it can [HARM 1] and [HARM 2].

Áp dụng thử trên đề được báo cáo

ĐỀ BÀI

Nowadays, news plays an important role in people's lives, and the media is more influential than in the past. Why is this the case? Do you think this is a positive or negative development?

Đây là đề kết hợp: Why + Positive/Negative.

Mở bài mẫu

News and media now have a stronger influence on people's daily lives than in the past. This is mainly because digital technology allows news to spread instantly, and I believe the trend is positive overall, provided that people learn to evaluate information critically.

Body 1: why

The main reason for the growing influence of the media is the development of smartphones and social networking platforms. In the past, people had to wait for newspapers or scheduled television programmes, but now they receive news updates throughout the day. For example, a political event or natural disaster can become known worldwide within minutes. This constant access makes news a much larger part of everyday decision-making.

Body 2: positive/negative

I consider this development mostly positive because it helps people become more informed about society. Citizens who follow reliable news can make better decisions about health, finance, and politics. Admittedly, misinformation is a serious risk, especially online. However, this can be reduced through media literacy education and responsible journalism. Therefore, the benefits of a more informed public are greater than the drawbacks.

Kết luận mẫu

In conclusion, the media is more powerful because technology has made news immediate and accessible. Although misinformation is a danger, I believe this is generally a positive development if people are taught to judge information carefully.

2.9 Dạng bài kết hợp**Cách nhận diện đề bài**

Hybrid questions là những đề kết hợp hai yêu cầu. Ví dụ:

- Why has this happened? Do the advantages outweigh the disadvantages?
- What are the reasons? Is this a positive or negative development?
- Do you agree or disagree? What should be done?
- Discuss both views and give your opinion + một câu phụ.

Cách làm: tách đề thành 2 nhiệm vụ chính, rồi chia Body 1 và Body 2 theo hai nhiệm vụ đó.

Bảng chiến lược xử lý nhanh

Đề hỏi	Body 1	Body 2
Why + Positive/Negative	Reasons	Evaluation: positive/negative
Why + Outweigh	Reasons	Benefits vs drawbacks + answer
Causes + Solutions	Causes	Solutions
Problems + Solutions	Problems	Solutions
Discuss + Opinion	View ít đồng ý hơn	View đồng ý hơn + opinion
Two direct questions	Answer Q1	Answer Q2

Mẫu câu chung cho dạng bài kết hợp

Mở bài

Câu mẫu

[TREND/ISSUE] has become increasingly common. This can be explained by [REASON/CAUSE], and I believe [ANSWER TO SECOND QUESTION].

Thân bài 1: giải quyết câu hỏi thứ nhất

Câu mẫu

The main reason/problem/cause is [POINT 1]. This is because [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE].

Thân bài 2: giải quyết câu hỏi thứ hai

Câu mẫu

Regarding whether [SECOND QUESTION], I believe [ANSWER]. The main reason is [REASON]. Although [OPPOSING POINT], [MY VIEW] is more convincing because [EXPLANATION].

Kết luận

Câu mẫu

In conclusion, [SUMMARY OF TASK 1]. Overall, [SUMMARY OF TASK 2/OPINION].

Áp dụng thử trên đề được báo cáo

ĐỀ BÀI

Nowadays, many people are choosing to live alone. Why is this the case? Is this a positive or negative development for society?

Mở bài mẫu

In many countries, more people are choosing to live alone rather than with family members or roommates. This trend is mainly caused by greater financial independence and changing social values, and I believe it is a mixed but mostly negative development for society.

Body 1: why

One reason people live alone is that they have become more financially independent. Many adults can now afford their own accommodation and do not need to share living space with relatives. Another reason is that modern societies place greater value on personal freedom. For example, young professionals may prefer living alone because it allows them to manage their time, work, and relationships without interference.

Body 2: positive/negative

Although living alone can give people privacy and independence, I think the wider social effects are often negative. People who live alone may have fewer daily interactions, which can increase loneliness and weaken community ties. This is particularly concerning for elderly people, who may become isolated if they have no family nearby. Therefore, while the trend benefits some individuals, it may reduce social connection overall.

Kết luận mẫu

In conclusion, people increasingly live alone because they have more money and value independence. However, I believe this trend is mostly negative for society because it can increase isolation and weaken relationships.

PHẦN 3 | Mẫu câu theo hướng lập luận

Phần này giúp bài viết tự nhiên hơn bằng cách cung cấp các hướng lập luận khác nhau. Cùng một dạng đề, bạn có thể chọn hướng lập luận phù hợp nhất tùy vào nội dung cụ thể của câu hỏi.

3.1 Hướng tiếp cận: cân bằng chính sách

Dùng cho đề có từ như: all, everyone, always, should be banned, only, completely, no longer necessary.

Mẫu câu

Câu mẫu

Although [EXTREME POLICY] may solve [PROBLEM] in some cases, I do not think it should be applied universally. A more balanced approach would be to [BALANCED POLICY], as this would [BENEFIT] without [RISK].

Câu dùng trong body

Câu mẫu

The difficulty with a strict ban is that it may punish people who are not the main cause of the problem. A flexible policy would be more effective because it could target the most harmful behaviour while still allowing reasonable freedom. Instead of [EXTREME ACTION], governments should focus on [TARGETED ACTION].

3.2 Hướng tiếp cận: tự do cá nhân và trách nhiệm xã hội

Hay gặp ở đề về health, environment, crime, media, parenting.

Mẫu câu

Câu mẫu

This issue involves a conflict between individual freedom and social responsibility. While people should have the right to [PERSONAL CHOICE], this freedom should be limited when it [HARMS OTHERS/SOCIETY].

Câu dùng trong body

Câu mẫu

Personal choice is important, but it should not create costs that society as a whole has to bear. When individual behaviour affects public health or the environment, some level of regulation is justified. The goal should not be to control people's lives, but to prevent avoidable harm.

3.3 Hướng tiếp cận: lợi ích ngắn hạn và hậu quả dài hạn

Hãy gặp ở đề về economy, environment, education, work.

Mẫu câu

Câu mẫu

[ACTION/TREND] may bring short-term benefits, such as [BENEFIT]. However, its long-term costs, including [COST], are more serious.

Hoặc ngược lại:

Câu mẫu

Although the short-term costs of [ACTION] are clear, its long-term benefits are likely to be greater.

Câu dùng trong body

Câu mẫu

This may seem beneficial at first because [SHORT-TERM BENEFIT]. However, over time, it could lead to [LONG-TERM COST]. A policy should be judged not only by its immediate results but also by its long-term effects.

3.4 Hướng tiếp cận: tác động không đồng đều

Hãy gặp ở đề có nhóm: children, elderly people, low-income families, rural communities, students.

Mẫu câu

Câu mẫu

The impact of [TREND/POLICY] is not the same for everyone. It may benefit [GROUP A], but it can create difficulties for [GROUP B].

Câu dùng trong body

Câu mẫu

This is particularly true for [GROUP], who often have fewer resources and less flexibility. A policy that works well in large cities may be less suitable for rural areas. The needs of vulnerable groups should be considered before [POLICY] is introduced.

3.5 Hướng tiếp cận: chất lượng hơn số lượng

Hay gặp ở đề education/work/health.

Mẫu câu

Câu mẫu

The issue is not simply whether [THING] should be increased, but whether it is used effectively.

Câu dùng trong body

Câu mẫu

More spending does not automatically lead to better outcomes. What matters is not the amount of [RESOURCE], but how carefully it is allocated. A smaller but better-designed programme may be more effective than a large but poorly managed one.

PHẦN 4 | Ngân hàng ý tưởng theo chủ đề

Bạn có thể lấy các cụm dưới đây để thay vào [REASON], [ADVANTAGE], [DISADVANTAGE], [CAUSE], [SOLUTION].

4.1 Education

Lợi ích và nguyên nhân

- improves students' employability
- develops critical thinking
- helps children become responsible citizens
- gives students equal opportunities
- prepares young people for the modern workplace

Bất lợi và vấn đề

- increases academic pressure
- reduces creativity if the curriculum is too rigid
- widens the gap between rich and poor students
- makes students too dependent on technology

Giải pháp

- provide career guidance at school
- train teachers more effectively
- update the curriculum
- offer financial support for disadvantaged students
- combine academic knowledge with practical skills

Câu mẫu tham khảo:

Câu mẫu

Schools should not only prepare students for exams but also help them develop skills that are useful in real life.

4.2 Technology

Lợi ích

- improves access to information

- saves time and reduces costs
- makes communication easier
- allows flexible work and study
- supports innovation in healthcare, education, and business

Bất lợi

- reduces face-to-face interaction
- creates privacy and security risks
- increases screen addiction
- widens the digital divide
- makes people overly dependent on machines

Giải pháp

- teach digital literacy
- regulate data protection
- limit screen time for children
- make technology more affordable

Câu mẫu tham khảo:

Câu mẫu

Technology is most beneficial when it supports human decision-making rather than replacing it completely.

4.3 Environment

Lợi ích của các chính sách bảo vệ môi trường

- reduces air and water pollution
- protects biodiversity
- improves public health
- encourages sustainable consumption
- reduces dependence on fossil fuels

Nguyên nhân của các vấn đề môi trường

- overconsumption
- weak regulations
- lack of public awareness
- dependence on private cars
- industrial expansion

Giải pháp

- stricter environmental laws
- investment in public transport
- incentives for renewable energy
- public awareness campaigns
- higher taxes on highly polluting activities

Câu mẫu tham khảo:

Câu mẫu

Environmental protection should be seen as a long-term investment rather than an immediate economic burden.

4.4 Health

Nguyên nhân/Lợi ích

- improves quality of life
- reduces pressure on hospitals
- prevents disease rather than only treating it
- protects vulnerable groups

Vấn đề

- unhealthy lifestyles
- high cost of medical care
- lack of access in rural areas
- misinformation about health

Giải pháp

- promote preventive healthcare
- subsidise essential treatment
- regulate unhealthy products
- improve health education in schools

Câu mẫu tham khảo:

Câu mẫu

Preventive measures are often cheaper and more effective than treating diseases after they have become serious.

4.5 Work and economy

Lợi ích và nguyên nhân

- improves productivity
- creates employment opportunities
- increases financial independence
- allows people to develop specialised skills
- supports economic growth

Bất lợi và vấn đề

- job insecurity
- work-life imbalance
- stress and burnout
- inequality between skilled and unskilled workers
- exploitation of workers

Giải pháp

- provide training and reskilling programmes
- protect workers' rights
- offer flexible working arrangements
- improve career counselling

Câu mẫu tham khảo:

Câu mẫu

A healthy economy should not only create jobs but also ensure that those jobs are stable and meaningful.

4.6 Society and culture

Lợi ích

- strengthens social cohesion
- preserves cultural identity
- encourages respect for diversity
- improves community relationships

Bất lợi và vấn đề

- cultural homogenisation
- social isolation
- generational conflict
- loss of traditional values

Giải pháp

- support local cultural events
- teach cultural history in schools
- encourage intergenerational activities
- use media to promote local traditions

Câu mẫu tham khảo:

Câu mẫu

Cultural traditions should not be preserved only for the past; they should remain meaningful in people's daily lives.

PHẦN 5 | Các dàn ý mẫu theo mục tiêu điểm

5.1 Dàn ý an toàn cho band 5.5–6.0

Dùng khi bạn cần bài rõ ràng, ít rủi ro ngữ pháp.

Cấu trúc

Introduction: It is often argued that [CLAIM/TOPIC]. I [agree/disagree/partly agree] with this view because [REASON 1] and [REASON 2].

Body 1: The first reason is that [REASON 1]. This is important because [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE]. Therefore, [LINK TO QUESTION].

Body 2: Another reason is that [REASON 2]. If [CONDITION], [RESULT]. For instance, [EXAMPLE]. As a result, [LINK TO QUESTION].

Conclusion: In conclusion, I believe that [MY VIEW] because [REASON 1] and [REASON 2].

Ưu điểm: dễ viết, ít sai. Nhược điểm: hơi đơn giản nếu dùng y nguyên quá nhiều.

5.2 Dàn ý tự nhiên cho band 6.5–7.0

Cấu trúc bài

Introduction: The question of whether [CLAIM/ISSUE] has become a common subject of debate. Although [OPPOSING POINT] is understandable, I believe [MY VIEW] because [REASON 1] and [REASON 2].

Body 1: One reason this view is persuasive is that [REASON 1]. In practical terms, [EXPLANATION]. A clear example can be seen in [EXAMPLE]. This suggests that [MINI-CONCLUSION].

Body 2: Another factor that should be considered is [REASON 2]. Admittedly, [CONCESSION]. However, this does not outweigh the fact that [MAIN POINT]. Therefore, [MY VIEW] is more convincing.

Conclusion: Overall, while [CONCESSION], I believe [MY VIEW]. The main reasons are [REASON 1] and [REASON 2].

Ưu điểm: có concession nên tự nhiên hơn. Nhược điểm: cần kiểm soát logic để không tự mâu thuẫn.

5.3 Dàn ý cho bài đồng ý một phần

Cấu trúc bài

Introduction: I agree with [CLAIM] to some extent. While [PART YOU AGREE WITH] is valid in certain cases, I believe [LIMITATION/YOUR MAIN VIEW].

Body 1: On the one hand, [PART YOU AGREE WITH] can be reasonable when [CONDITION]. This is because [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE].

Body 2: On the other hand, this argument should not be applied too broadly. [YOUR MAIN REASON] is also important because [EXPLANATION]. If [EXTREME VERSION OF CLAIM], [NEGATIVE RESULT].

Conclusion: In conclusion, [CLAIM] is true only to a limited extent. It can be useful when [CONDITION], but [YOUR MAIN VIEW] should also be considered.

5.4 Dàn ý nâng cao cho bài discuss both views

Cấu trúc bài

Introduction: People have different opinions about whether [VIEW A] or [VIEW B]. While [VIEW A] has some merit, I believe [VIEW B] is more convincing because [REASON].

Body 1: Supporters of [VIEW A] argue that [REASON A]. This view is understandable because [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE]. Therefore, [VIEW A] can be beneficial in some situations.

Body 2: However, I side with those who believe [VIEW B]. The main reason is that [REASON B]. If [CONDITION], [RESULT]. This has a deeper impact on [GROUP/SOCIETY], which is why I find this view stronger.

Conclusion: In conclusion, although [VIEW A] is not without value, I believe [VIEW B] is the better approach due to [REASON B].

5.5 Dàn ý nâng cao cho bài problem and solution

Cấu trúc bài

Introduction: [PROBLEM] has become a serious issue in many societies. It is mainly caused by [CAUSE 1] and [CAUSE 2], but measures such as [SOLUTION 1] and [SOLUTION 2] could help reduce it.

Body 1: A major cause is [CAUSE 1]. When [CONDITION], [RESULT]. This problem is made worse by [CAUSE 2], because [EXPLANATION]. For example, [EXAMPLE].

Body 2: To address this issue, [ACTOR] should [SOLUTION 1]. This would [POSITIVE RESULT]. In addition, [SOLUTION 2] could be introduced to

[PURPOSE]. These measures would be effective because they target both the causes and the symptoms of the problem.

Conclusion: In conclusion, **[PROBLEM]** is largely caused by **[CAUSE 1]** and **[CAUSE 2]**. It can be tackled through **[SOLUTION 1]** and **[SOLUTION 2]**.

PHẦN 6 | Checklist trước và sau khi viết

6.1 Checklist 3 phút trước khi viết

Dành 3 phút đầu tiên để gạch đầu dòng nhanh các thông tin sau:

Checklist nhanh

- 1. **Dạng bài:** _____: 2. Câu hỏi cần trả lời:
 - Q1: _____
 - Q2: _____
- 3. **Quan điểm của mình:** _____: 4. Body 1 idea: _____
- 5. **Body 2 idea:** _____: 6. Ví dụ sẽ dùng: _____

Nếu không xác định được dạng bài, hãy hỏi:

- Đề có “agree/disagree” không? → Opinion.
- Đề có “discuss both views” không? → Discussion.
- Đề có “advantages/disadvantages” không? → Advantage/Disadvantage.
- Đề có “outweigh” không? → Phải so sánh nặng nhẹ.
- Đề có “why/reasons/causes” không? → Cần nguyên nhân.
- Đề có “effects/consequences” không? → Cần hệ quả.
- Đề có “solutions/measures/what can be done” không? → Cần giải pháp.
- Đề có 2 câu hỏi riêng không? → Two-part.

6.2 Checklist sau khi viết

Task Response

- Mình đã trả lời tất cả câu hỏi chưa?
- Nếu đề hỏi opinion, mình có nêu opinion rõ ở mở bài và kết luận chưa?
- Nếu đề hỏi “outweigh”, mình có nói rõ bên nào nặng hơn chưa?

Coherence & Cohesion

- Mỗi body có một ý chính rõ không?
- Body 1 và Body 2 có bị trùng ý không?

- Có câu topic sentence đầu đoạn không?

Lexical Resource

- Có lặp lại đúng một từ quá nhiều không?
- Từ vựng có đúng chủ đề không?
- Có dùng từ quá “cao siêu” nhưng sai nghĩa không?

Grammar

- Có đủ chủ ngữ + động từ không?
- Có lỗi số ít/số nhiều không?
- Có câu quá dài khó kiểm soát không?

PHẦN 7 | Những lỗi sử dụng mẫu câu thường gặp

7.1 Lỗi 1: mở bài quá chung chung

Không nên viết:

Ví dụ

In this modern era, everything has two sides and people have different opinions.

Vì câu này dùng cho đề nào cũng được, nên không thể hiện bạn hiểu đề. Nên viết:

Ví dụ

In recent years, [SPECIFIC TREND] has become increasingly common, especially in [CONTEXT].

Ví dụ:

Câu mẫu

In recent years, online business meetings have become increasingly common, especially in international companies.

7.2 Lỗi 2: không nêu rõ quan điểm ở mở bài

Với đề opinion hoặc discuss + opinion, chỉ viết “This essay will discuss...” là yếu. Nên nêu luôn lập trường. Không nên:

Ví dụ

This essay will discuss both views.

Nên:

Câu mẫu

This essay will discuss both views before explaining why I believe [VIEW B] is more convincing.

Hoặc tốt hơn:

Câu mẫu

While [VIEW A] has some merit, I believe [VIEW B] is more convincing because [REASON].

7.3 Lỗi 3: đưa ra ví dụ quá mơ hồ

Không nên:

Ví dụ

For example, many people in many countries do this.

Nên:

Câu mẫu

For example, a student in a rural area may rely on online lessons because there are few qualified teachers nearby.

Ví dụ tốt trong IELTS Writing không cần số liệu thật hay trích dẫn nghiên cứu. Chỉ cần ví dụ đủ cụ thể và hợp lý với ngữ cảnh đề bài.

7.4 Lỗi 4: phân tích hai chiều nhưng thiếu kết luận

Đặc biệt nguy hiểm với:

- To what extent do you agree or disagree?
- Do the advantages outweigh the disadvantages?
- Positive or negative development?
- Discuss both views and give your opinion.

Hãy chốt bằng câu:

Câu mẫu

Overall, I believe [FINAL POSITION]. Therefore, the advantages outweigh the disadvantages. For this reason, I consider this development mostly positive.

PHẦN 8 | Bộ prompt thực hành và gợi ý áp dụng

Các prompt dưới đây gồm đề mẫu chính thức và đề được báo cáo bởi thí sinh/trung tâm. Với đề “reported”, câu chữ có thể khác nhẹ so với đề gốc.

8.1 Opinion/Agree-disagree practice

Prompt 1

Câu mẫu

Some people think that employers should not care about the way their employees dress, because what matters is the quality of their work. To what extent do you agree or disagree?

- **Gợi ý lập trường:** đồng ý một phần.
- Body 1: chất lượng công việc quan trọng hơn ngoại hình.
- Body 2: nhưng một số ngành cần dress code vì hình ảnh chuyên nghiệp và an toàn.
- Mở bài mẫu:

Mở bài mẫu

Some people argue that employers should focus on work quality rather than employees' clothing. I agree with this view to some extent, but I believe dress codes are still necessary in jobs where appearance, safety, or public trust matters.

Prompt 2

Câu mẫu

Countries should produce the food that their population eats, and import as little as possible. To what extent do you agree or disagree?

- **Gợi ý lập trường:** không đồng ý hoàn toàn.
- Body 1: local food tốt cho môi trường và nông dân.
- Body 2: nhập khẩu vẫn cần vì khí hậu, giá cả và sự đa dạng.

8.2 Discussion practice

Prompt 1

Câu mẫu

Some people believe that success is the result of hard work and determination. Others think that there are more important factors such as money and appearance. Discuss both views and give your own opinion.

- **Gợi ý lập trường:** hard work là yếu tố quan trọng hơn, nhưng tiền/ngoại hình tạo lợi thế ban đầu.
- Mở bài mẫu:

Mở bài mẫu

People disagree about whether success mainly comes from hard work and determination or from external advantages such as money and appearance. While wealth and appearance can create opportunities, I believe effort and persistence are more important in achieving long-term success.

Prompt 2

Câu mẫu

Some people think that the government should provide financial support for artists, while others believe that artists should be funded by other sources. Discuss both views and give your own opinion.

- **Gợi ý lập trường:** nhà nước nên hỗ trợ nghệ thuật có giá trị công cộng, nhưng không phải mọi nghệ sĩ.

8.3 Advantages/disadvantages practice

Prompt

Câu mẫu

More and more business meetings are taking place online. What are the advantages and disadvantages of this trend?

- **Gợi ý:** dùng template mục Advantages and Disadvantages.

- Advantage: tiết kiệm chi phí/thời gian.
- Disadvantage: giảm lòng tin/giao tiếp trực tiếp.

8.4 Outweigh practice

Prompt 1

Câu mẫu

In many urban areas, planners tend to arrange shops, schools, offices, and homes in specific areas and separate them from one another. Do the benefits of this trend outweigh its drawbacks?

- **Gợi ý lập trường:** bất lợi lớn hơn.
- Advantage: quản lý đô thị dễ, giảm xung đột giữa khu dân cư và công nghiệp.
- Disadvantages: tăng thời gian di chuyển, giảm sự tiện lợi, tăng ô nhiễm.

Prompt 2

Câu mẫu

With a growing population in cities, more and more people live in homes with small or no outdoor areas. Is this an advantageous or disadvantageous trend?

- **Gợi ý lập trường:** phần lớn bất lợi.
- Reason 1: ảnh hưởng sức khỏe thể chất/tinh thần.
- Reason 2: trẻ em thiếu không gian chơi.

8.5 Causes/solutions practice

Prompt

Câu mẫu

In many countries, younger people do not interact with older people as often as they used to. What are the reasons for this? How can we improve the situation?

- Mở bài mẫu:

Mở bài mẫu

In many societies, young people interact less frequently with older generations than in the past. This is mainly caused by busier lifestyles and the growing use of digital entertainment, but the situation could be improved through family activities and community programmes.

- Body 1: busy lifestyles + digital gap.
- Body 2: schools/community centers/family events.

8.6 Causes/effects practice**Prompt****Câu mẫu**

Many people go through life doing work that they hate or have no talent for. Why does this happen? What are the consequences of this situation?

- **Gợi ý:** dùng template mục Causes/Reasons and Effects.
- Reasons: financial pressure + poor career guidance.
- Consequences: stress + low productivity.

8.7 Two-part practice**Prompt****Câu mẫu**

Learning English at school is often seen as more important than learning local languages. If these are not taught, many are at risk of dying out. In your opinion, is it important for everyone to learn English? Should we try to ensure the survival of local languages and, if so, how?

- **Gợi ý:** dùng template mục Two-part Question.
- Q1: English important for most people, but not all need advanced level.
- Q2: preserve local languages via school, media, community events.

8.8 Positive/negative practice

Prompt

Câu mẫu

In many countries, laws have been passed to limit the number of hours people are allowed to work. What are the reasons for this policy, and do you think it is a positive or negative change?

- **Gợi ý lập trường:** tích cực.
- Reasons: prevent exploitation, protect health/work-life balance.
- Evaluation: positive because productivity and health improve; minor drawback: lower income for some hourly workers.
- Mở bài mẫu:

Mở bài mẫu

In some countries, governments have introduced laws to limit working hours. This policy is mainly intended to protect workers from exploitation and poor health, and I believe it is a positive change overall.

PHẦN 9 | Cách phát triển bài viết hoàn chỉnh

9.1 Công thức số câu

Một bài 260 từ có thể chỉ cần:

Cấu trúc

Introduction: 2 câu, khoảng 45–55 từ Body 1: 5 câu, khoảng 85–95 từ Body 2: 5 câu, khoảng 85–95 từ Conclusion: 1–2 câu, khoảng 30–40 từ

Cấu trúc thân bài 5 câu mẫu

Công thức số câu

- **1. Topic sentence: nêu ý chính.**: 2. Explanation: giải thích logic.
- **3. Development: đào sâu/điều kiện.**: 4. Example: ví dụ.
- **5** Link: nối lại câu hỏi.

Ví dụ body 5 câu:

Câu mẫu

The main advantage of online meetings is that they save time and money. This is because employees do not need to travel long distances or spend extra money on hotels and meeting venues. This is particularly useful for international companies whose staff work in different countries. For example, a manager in Vietnam can meet partners in Europe and Australia on the same day through video calls. As a result, businesses can operate more efficiently.

9.2 Phương pháp xử lý khi bí ý tưởng

Nếu bí ý, hãy hỏi 4 câu:

- 1 Vấn đề này ảnh hưởng đến **ai**?
- 2 Nó ảnh hưởng đến **tiền, thời gian, sức khỏe, giáo dục, môi trường, công bằng xã hội** như thế nào?
- 3 Nếu làm quá mức, điều gì xấu xảy ra?
- 4 Ai có thể giải quyết: government, schools, companies, parents, individuals?

Các hướng triển khai ý phụ

- Almost any positive point:

Câu mẫu

It saves time, reduces costs, and gives people more opportunities.

- Almost any negative point:

Câu mẫu

It may increase inequality, reduce social interaction, or create long-term pressure on public services.

- Almost any government solution:

Câu mẫu

Governments should combine stricter regulation with public education and financial support for the groups most affected.

- Almost any school solution:

Câu mẫu

Schools should teach students both knowledge and practical skills so that they can make better decisions in real life.

PHẦN 10 | Tổng hợp cấu trúc nên nhớ

Bạn không cần nhớ toàn bộ nội dung file này khi vào phòng thi. Chỉ cần nắm vững 6 khung dưới đây là đủ để xử lý hầu hết các dạng đề.

10.1 Agree/disagree mini

Khung tóm tắt

It is argued that [claim]. I [agree/disagree/partly agree] because [reason 1] and [reason 2]. The first reason is [reason 1]. Explain. Example. Link. Another reason is [reason 2]. Explain. Example/counterargument. Link. In conclusion, I [position] because [reason 1] and [reason 2].

10.2 Discuss mini

Khung tóm tắt

People disagree about whether [view A] or [view B]. While [view A] has some merit, I believe [view B]. Supporters of [view A] argue that... However, I side with [view B] because... In conclusion, although [view A], [view B] is stronger.

10.3 Advantages/disadvantages mini

Khung tóm tắt

[Trend] has both benefits and drawbacks. The main advantage is... The main disadvantage is... In conclusion, [trend] can [benefit], but it may also [drawback].

10.4 Outweigh mini

Khung tóm tắt

Although [drawback] is a concern, I believe the advantages outweigh the disadvantages. The main drawback is... However, the benefits are greater because... In conclusion, the advantages outweigh the disadvantages.

Hoặc:

Cấu trúc

Although [benefit] is useful, I believe the disadvantages outweigh the advantages. One benefit is... However, the drawbacks are more serious because... In conclusion, the disadvantages outweigh the advantages.

10.5 Causes/solutions mini**Khung tóm tắt**

[Problem] is mainly caused by [cause 1] and [cause 2], but it can be reduced through [solution 1] and [solution 2]. A major cause is... The most effective solution is... In conclusion, [problem] results from..., and should be addressed by...

10.6 Two-part mini**Khung tóm tắt**

In my view, [answer Q1], and [answer Q2]. Regarding the first question, ... As for the second question, ... In conclusion, [answer Q1] and [answer Q2].

PHẦN 11 | Kết lời

Template tốt nhất là template giúp bạn **ra quyết định nhanh**:

- Mình đang trả lời dạng nào?
- Body 2 nói gì?
- Mình chọn lập trường gì?
- Ví dụ nào làm ý cụ thể hơn?
- Body 1 nói gì?

Khi đã rõ 5 điều này, bạn không cần “ép” một câu mẫu vào mọi đề. Bạn chỉ cần chọn đúng hướng, thay nội dung cụ thể và viết một bài có logic sạch.